

Bản án số: 35/2019/HSST

Ngày: 11-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Như Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hưng.
2. Bà Dương Thị Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Thanh Vàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 10 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 36/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 5 năm 2019, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1990 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp TĐ, xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: không; Trình độ văn hóa: 08/12; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1959 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1961; Vợ, con: Chưa có; Tiền sự: Ngày 05/10/2017, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” (Quyết định số 30/QĐ-XPHC); Ngày 21/12/2018, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác” (Quyết định số 1752/QĐ-XPVPHC); Tiền án: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 02/3/2019 chuyển sang tạm giam từ ngày 05/3/2019 cho đến nay. Có mặt.

*** Bị hại:**

Nguyễn Tuyết V, sinh năm 1993. Có mặt
Nơi cư trú: khu phố A, phường B, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Nguyễn Văn H, sinh năm 1959. Vắng mặt.
Nơi cư trú: ấp TĐ, xã AH, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

** Người làm chứng:*

Nguyễn Công Th, sinh năm 1988. Có mặt.

Nơi cư trú: ấp MĐ, xã MT, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 02/3/2019, Nguyễn Minh Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728 chạy trên đường xã MT hướng từ Ủy ban nhân dân xã về cầu HL với mục đích tìm giật tài sản của người đi đường để bán lấy tiền mua ma túy sử dụng. Khi đến đoạn đường thuộc ấp MĐ, xã MT thì Đ phát hiện chị Nguyễn Tuyết V đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B1-930.15 chạy cùng chiều phía trước, tay trái cầm và đang nghe điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu đen. Lập tức, Đ điều khiển xe biển kiểm soát 71S2-2728 chạy vượt lên, áp sát bên phải xe chị V, dùng tay trái giật mạnh chiếc điện thoại di động mà chị V đang nghe. Sau khi lấy được điện thoại thì nhanh chóng tăng ga định tẩu thoát nhưng 02 xe va chạm vào nhau và cùng ngã xuống đường, chị V chỉ bị xây xước nhẹ nên đứng dậy chạy đến chỗ Đ giật lại chiếc điện thoại di động trên tay của Đ và tri hô. Lúc này, anh Nguyễn Công Th đang điều khiển xe mô tô từ phía sau chạy đến nghe thấy liền bắt giữ Đ giao cho cơ quan Công an xử lý.

Vật chứng thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 màu đen, số IMEI 1: 867609030465157, số IMEI 2: 867609030465140; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt màu vàng nâu; 01 xe mô tô biển số 71S2-2728; 01 xe mô tô biển số 71B1-930.15.

Theo bảng kết luận định giá trị tài sản số 178/KL-HĐĐG ngày 10/3/2019 của Hội đồng định giá thành phố Bến Tre kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 màu đen, số IMEI 1: 867609030465157, số IMEI 2: 867609030465140, trị giá vào ngày 02/3/2019 là 1.100.000 đồng.

- 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt màu vàng nâu, trị giá vào ngày 02/3/2019 là 15.000 đồng.

Tại Bản cáo trạng số: 34/CT-VKSTPBE ngày 08 tháng 5 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Nguyễn Minh Đ về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung cáo trạng và đề nghị:

Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Đ từ 03 đến 04 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Hình phạt bổ sung: do bị cáo không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Ghi nhận bị cáo Đ đã tác động gia đình bồi thường cho chị Nguyễn Tuyết V số tiền 1.000.000 đồng; Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho ông Nguyễn Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728; đã trả cho chị V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 màu đen, số IMEI 1: 867609030465157, số IMEI 2: 867609030465140; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt màu vàng nâu và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1-930.15; hiện chị V không yêu cầu gì thêm.

Bị cáo Nguyễn Minh Đ khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bảng cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Nguyễn Tuyết V trình bày: Vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 02/3/2019, khi chị đang nghe điện thoại và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71B1-930.15 tại đoạn đường thuộc ấp MĐ, xã MT thì bị Nguyễn Minh Đ điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728 từ phía sau vượt lên, áp sát vào bên phải xe chị, dùng tay trái giật điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu đen của chị. Khi đã cầm được điện thoại thì 02 xe va chạm vào nhau làm cả 02 xe ngã xuống đường, chị chạy đến giật lại chiếc điện thoại di động trên tay của Đ và truy hô “cướp, cướp”. Lúc này, anh Nguyễn Công Th đang điều khiển xe mô tô từ phía sau chạy đến bắt giữ Đ giao cho cơ quan Công an. Chị đã nhận lại điện thoại, ốp lưng điện thoại và tiền bồi thường chi phí điều trị cùng chi phí sửa xe nên không yêu cầu gì thêm. Chị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an thành phố Bến Tre, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Minh Đ tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 02/3/2019, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra, đủ cơ sở xác định: Xuất phát từ mục đích tư lợi bất chính, vào khoảng 08 giờ 50 phút ngày 02/3/2019, trên đường xã MT, đoạn thuộc ấp MĐ, xã MT, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bằng thủ đoạn chiếm đoạt tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, Nguyễn Minh Đ đã có hành vi dùng xe mô tô biển kiểm soát 71S2-

2728 ép xe và giật của chị Nguyễn Tuyết V 01 điện thoại di động hiệu OPPO A83 màu đen có ốp lưng màu vàng nâu trị giá 1.115.000 đồng. Do hai xe vướng vào nhau và cùng té ngã, bị hại tri hô nên bị cáo bị bắt giữ cùng tang vật.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng xuất phát từ động cơ vụ lợi bị cáo đã cố ý chiếm đoạt tài sản của chị V để tiêu xài cá nhân. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo Đ về tội “Cướp giật tài sản” được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, lợi dụng chủ sở hữu thiếu cảnh giác trong việc quản lý tài sản đã thực hiện hành vi phạm tội, trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động và sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân, bị cáo Đ đã từng bị kết án về tội “Cướp giật tài sản” và hiện có 02 tiền sự, cụ thể là: ngày 05/10/2017, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 30/QĐ-XPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”; ngày 21/12/2018, bị Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre ra Quyết định số 1752/QĐ-XPVPHC xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.500.000 đồng về hành vi “Xâm hại sức khỏe của người khác”.

Các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo Đ được hưởng gồm “Người phạm tội tự nguyện bồi thường thiệt hại”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, gia đình bị cáo có công với cách mạng theo quy định tại các điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và có tác dụng phòng ngừa chung.

[6] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh đối với bị cáo Đ là “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và hình phạt đề nghị áp dụng đối với bị cáo phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho chị Nguyễn Tuyết V 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 màu đen, số IMEI 1: 867609030465157, số IMEI 2: 867609030465140; 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt màu vàng nâu và 01 xe mô tô biển kiểm soát 71B1-930.15;

Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho ông Nguyễn Văn H 01 xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị Nguyễn Tuyết V đã nhận đủ số tiền bồi thường là 1.000.000 đồng từ gia đình của bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 đồng mà ông đã bồi thường thay cho bị cáo.

[9] Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo Đ không có tài sản và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Đ.

[10] Đối với Nguyễn Văn H khi Đ mượn xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728 thì ông không biết Đ dùng xe đi cướp giật tài sản nên không truy cứu trách nhiệm.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Đ phải nộp theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Đ phạm tội “Cướp giật tài sản”

1. Áp dụng điểm d, khoản 2 Điều 171; các điểm b, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Đ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2019.

2. Xử lý vật chứng:

- Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho chị Nguyễn Tuyết V 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A83 màu đen, số IMEI 1: 867609030465157, số IMEI 2: 867609030465140; 01 (một) ốp lưng điện thoại bằng nhựa trong suốt màu vàng nâu và 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 71B1-930.15;

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bến Tre đã trả cho ông Nguyễn Văn H 01 (một) xe mô tô biển kiểm soát 71S2-2728.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Ghi nhận chị Nguyễn Tuyết V đã nhận đủ số tiền bồi thường là 1.000.000 (Một triệu) đồng từ gia đình của bị cáo và không có yêu cầu gì thêm.

Ghi nhận ông Nguyễn Văn H không yêu cầu bị cáo bồi hoàn lại số tiền 1.000.000 (Một triệu) đồng mà ông đã bồi thường thay cho bị cáo.

4. Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Nguyễn Minh Đ phải nộp là 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã AH, huyện CT (1b);
- Bị cáo, Bị hại, NCQLNVLQ (3b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Như Phương